

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/12/2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Dung.

2. Ông Hoàng Luật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ không tham gia phiên tòa theo Công văn số 372/CV-VKS-DS ngày 14/12/2021.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 329/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tấn P, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Số 392, đường DT 720, xóm 1, thôn 4, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Chị Lê Thuận H, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Số 4/5, KDC 5, ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số A6.8.11 Chung cư Ehome 3, đường Hồ Học Lãm, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

(Anh P và chị H có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/6/2021, bản khai, biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn anh Nguyễn Tấn P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 15/10/2019. Vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và không hạnh phúc. Nguyên nhân do tính cách, nhận thức, thói quen sinh hoạt của vợ chồng không còn hòa hợp, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, tranh cãi và không tìm được sự thống nhất về mọi vấn đề

trong cuộc sống, khiến cho cả hai đều mệt mỏi. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2020 đến nay, không còn tình cảm và cũng không còn liên hệ với nhau. Vì vậy anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Lê Thuận H.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết..

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, do điều kiện đi lại khó khăn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Theo bản tự khai ngày 28/10/2021, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 28/10/2021 bị đơn chị Lê Thuận H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P tự nguyện kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 15/10/2019. Cuộc sống sau hôn nhân của anh chị không đạt được do không cùng quan điểm sống và định hướng phát triển cá nhân, sự nghiệp, gia đình, tài chính; không có khả năng lắng nghe và chia sẻ các vấn đề trong cuộc sống; không còn khả năng quan tâm, biết ơn và trân trọng, tổn thương về thể xác và tinh thần; văn hóa hai gia đình khác biệt; không đồng nhân sinh quan. Vợ chồng anh chị đã chính thức sống ly thân từ tháng 03/2020, không gặp nhau, hoàn toàn không còn tình cảm và không liên quan bất cứ vấn đề gì. Vì vậy, chị đồng ý ly hôn với anh P.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết..

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại chị đang làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh, do dịch covid đang phức tạp, đi lại khó khăn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Nguyễn Tấn P và bị đơn chị Lê Thuận H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Lê Thuận H cư trú tại xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Tấn P khởi kiện yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về luật áp dụng: Anh Nguyễn Tấn P và chị Lê Thuận H đăng ký kết hôn năm 2019 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tấn P và chị Lê Thuận H tự nguyện kết hôn, hôn nhân không vi phạm điều cấm của pháp luật, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 15/10/2019 nên được công nhận hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh P: Anh P xin ly hôn với lý do vợ chồng không hạnh phúc, đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, hiện tại anh chị đã sống ly thân, không còn tình cảm vợ chồng. Chị H cũng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2020 đến nay, không quan tâm đến nhau vì vậy chị đồng ý ly hôn với anh P. Xét thấy, Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp khác...”. Tuy nhiên, anh P và chị H không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng, nên có đủ cơ sở khẳng định vợ chồng anh P và chị H thật sự mâu thuẫn, không có khả năng đoàn tụ và chị H cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, anh P xin ly hôn với chị H là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 51, 53, 54, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

Về con chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình: Anh Nguyễn Tấn P phải chịu 300.000đ tiền án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 54, 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Tấn P. Anh Nguyễn Tấn P được ly hôn với chị Lê Thuận H.

2. Về con chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Tấn P phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh Nguyễn Tấn P đã nộp theo biên lai số 0003292 ngày 26/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thành tiền án phí. Anh Nguyễn Tấn P đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Tấn P và chị Lê Thuận H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu.

Phan Thanh Hà